



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

BINH DUONG ECONOMICS AND TECHNOLOGY UNIVERSITY

TRI THỨC HIỆN ĐẠI - XÃ HỘI LÀM GIÀU

530 Bld Bình Dương, Phường Hiệp Thành, TX.TDM, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 0650.3822847 - 3870795 - Email: ktktbd@gmail.com - ktktbd@ktkt.edu.vn



THUY T TRÌNH THU

Chuyên đ : THU XU TKH U-NH PKH U

GV hướng dẫn: Ths. Đỗ Hữu Nghiêm.

N4



Tiên

Học

Lễ



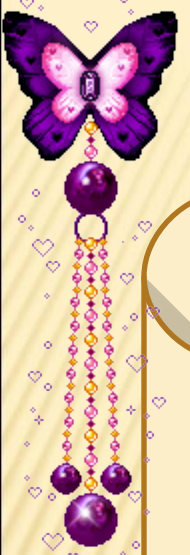
1. Nguyễn Thị Thùy Nhiên
2. Nguyễn Thị Cẩm Như
3. Lê Thị Kiều Oanh
4. Mai Thị Phượng
5. Phạm Thị Hồng Phượng
6. Phạm Thị Mỹ Phượng
7. Lâm Văn Quỳnh
8. Trịnh Hùng Sáng
9. Nguyễn Tân Tạo
10. Bùi Thị Sen
11. Nguyễn Minh Tâm
12. Huỳnh Thị Thanh Thảo
13. Nguyễn Thị Thu Thảo



Hậu

Học

Văn





N I DUNG

THUẾ XK -NK

(Import – Export duty)

KHÁI NIỆM, VAI TRÒ

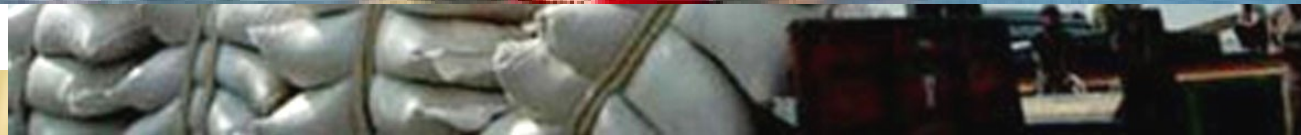
ĐỐI TƯỢNG CỦA THUẾ XK-NK

PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ

**ĐỐI TƯỢNG HOÀN THUẾ, TRUY
THU THUẾ**

KÊ KHAI, NỘP THUẾ

Hình ảnh XNK hàng hóa



I. KHÁI NIỆM & VAI TRÒ

1. *Khái niệm:*

Thuế xuất khẩu nhập khẩu là loại thuế gián thu đánh vào những mặt hàng được phép xuất khẩu – nhập khẩu qua biên giới Việt Nam. Kể cả thị trường trong nước vào khu phi thuế quan vào thị trường trong nước.





2. *Vai trò :*



- Huy động nguồn lực tài chính cho Ngân Sách Nhà Nước.
- Thực hiện quản lý vĩ mô nền kinh tế.
- Khuyến khích và thu hút đầu tư nước ngoài.
- Tái phân phối thu nhập giữa người sản xuất và người tiêu dùng trong nước, góp phần hướng dẫn tiêu dùng trong nước....



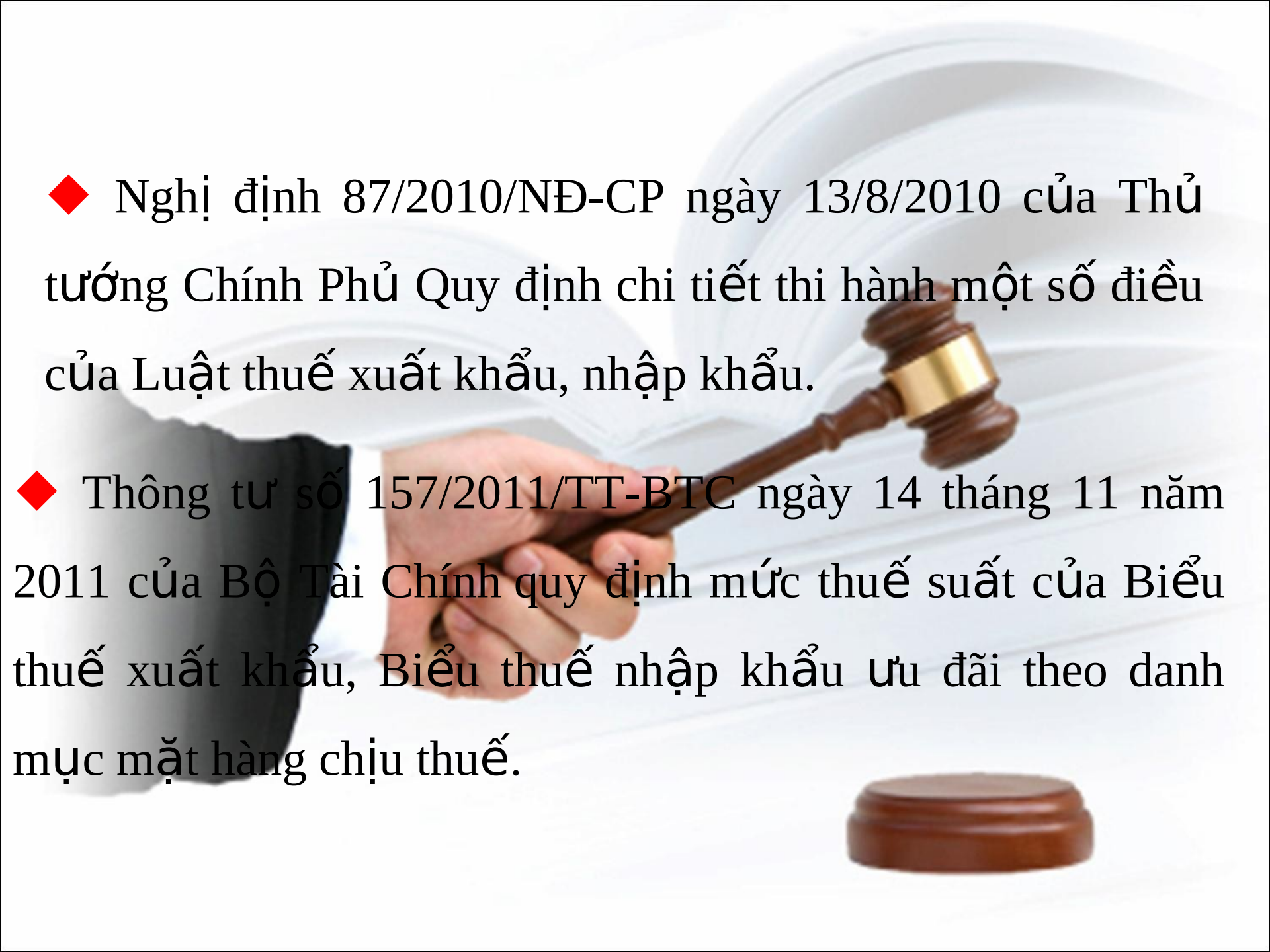
3. Cơ sở pháp lý :

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

◆ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

◆ Thông tư số 131/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 Hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng theo Danh mục hàng hoá của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.



A hand in a black suit sleeve holds a wooden gavel with a gold band. The gavel is positioned over an open book with white pages. The background is a soft, out-of-focus light color.

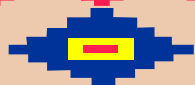
◆ Nghị định 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Thủ tướng Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế xuất khẩu, nhập khẩu.

◆ Thông tư số 157/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài Chính quy định mức thuế suất của Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế.



VĂN BẢN PHÁP LUẬT

◆ Thông tư 154/2012/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2012 sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với các mặt hàng thuộc nhóm 2815.11.00 và nhóm 2842.10.00 trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 2 tháng 11 năm 2012



◆ Thông tư 148/2012/TT-BTC ngày 11 tháng 09 năm 2012 sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 quy định tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành tại Thông tư số 109/2012/TT-BTC ngày 03/7/2012 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12/9/2012.

<http://ketoan.org/thu-vien/thue-xuat-nhap-khau>



II. ĐỐI TƯỢNG CỦA THUẾ XK -NK

1. Đối tượng chịu thuế:

- ❖ Hàng hóa xuất khẩu – nhập khẩu qua biên giới Việt Nam.
- ❖ Hàng hóa đưa từ thị trường trong nước vào khu phi thuế quan và ngược lại.
- ❖ Hàng hóa mua bán, trao đổi khác được coi là hàng hóa xuất nhập khẩu.

2. Đối tượng không chịu thuế:

- ❖ Hàng hóa vận chuyển quá cảnh hoặc mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam, hàng hóa chuyển khẩu theo quy định.
- ❖ Hàng hóa viện trợ nhân đạo hoặc viện trợ không hoàn lại.
- ❖ Hàng hóa từ khu phi thuế quan xuất khẩu ra nước ngoài và ngược lại, từ khu phi thuế quan này sang khu phi thuế quan khác.
- ❖ Hàng hóa là phần dầu khí thuộc thuế Tài Nguyên của Nhà nước khi xuất khẩu

3. Những trường hợp ngoại lệ :



3.1. Đối tượng miễn thuế:

- Hàng hóa tạm nhập – tái xuất, hoặc tạm xuất - tái nhập để tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm. Các máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp tạm nhập – tái xuất hoặc tạm xuất – tái nhập để phục vụ hội nghị, hội thảo, nghiên cứu khoa học, thi đấu thể thao, biểu diễn văn hóa, khám chữa bệnh, thời hạn tối đa không quá 90 ngày.

-Hàng hóa là tài sản di chuyển của các tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc Nước ngoài mang vào Việt Nam hoặc mang ra Nước ngoài.

- Hàng hóa xuất nhập khẩu của tổ chức, cá nhân Nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao tại Việt Nam .

- Hàng hóa nhập khẩu để gia công cho phía nước ngoài theo hợp đồng gia công đã ký.

- Hàng hóa xuất nhập khẩu trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế của người xuất nhập cảnh.

3.2. Đối tượng được xét miễn

thuế:

- Hàng hóa nhập khẩu là hàng chuyên dùng trực tiếp cho an ninh quốc phòng, cho nghiên cứu khoa học và giáo dục đào tạo.
- Hàng hóa là quà biếu, quà tặng.
- Hàng hóa nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế.



Cửa hàng miễn thuế

3.3. Đối tượng được xét giảm thuế:

- Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đang trong quá trình giám sát của cơ quan hải quan nếu bị hư hỏng, mất mát được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng nhận thì được cục hải quan địa phương xem xét ra quyết định giảm thuế tương ứng với tỷ lệ tổn thất thực tế của hàng hóa.

HH đang trong quá trình giám sát của cơ quan hải quan



4. Đối tượng nộp thuế:

4.1. Người nộp thuế:



- ✓ Chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.
- ✓ Tổ chức nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.
- ✓ Cá Nhân hàng hóa xuất – nhập khẩu khi xuất cảnh, nhập cảnh; gửi hoặc nhập hàng hóa qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam.



khách hàng **DOANH NGHIỆP**

*Tổ chức nhận Ủy thác
xuất khẩu, nhập khẩu
HH*



4.2. Đối tượng được ủy quyền, bảo lãnh, nộp thay thuế.



Đại lý hải quan góp phần tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu.

- ✓ Đại lý làm thủ tục Hải quan được đối tượng nộp thuế ủy quyền.
- ✓ Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh Quốc tế trong trường hợp nộp thay thuế cho đối tượng nộp thuế.



VIB cam kết đối với cơ quan Hải quan về việc nộp thuế xuất nhập khẩu (XNK) thay cho doanh nghiệp

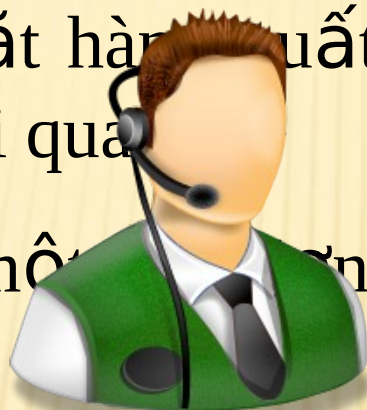
- ✓ Tổ chức tín dụng, tổ chức khai thác hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng trong trường hợp bảo lãnh, nộp thay thuế cho đối tượng nộp thuế.

III. PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ



1. Căn cứ các yếu tố:

- Số lượng từng mặt hàng xuất – nhập khẩu thực tế ghi trong tờ khai Hải quan
- Giá tính thuế trên một đơn vị hàng hóa.
- Thuế suất



1.1 Đối với hàng hóa áp dụng thuế suất theo tỷ lệ phần trăm:

Số thuế XK,
NK phải nộp

=

Số lượng đơn vị
từng mặt hàng thực
tế XK, NK ghi trong
tờ khai Hải quan.

x

Trị giá tính
thuế trên 1
đơn vị hàng
hóa

x

Thuế suất của
từng mặt hàng
ghi trong biểu
thuế

Ví dụ minh họa:

Tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu của 1 cty, Doanh nghiệp XNK có tài liệu sau:

1. Trực tiếp xuất khẩu lô hàng hóa A gồm 5.000 sp theo hợp đồng giá FOB là 3 USD/SP, Tỷ giá tính thuế là 16,150 Đ/USD. Biết rằng thuế suất thuế xuất khẩu hàng A là 2%.

Xuất:



=

?



Giải:

Thuế XK phải nộp của lô hàng hóa A là:

$$5.000 \times (3 \times 16,150) \times 2\% = 4.845.000 \text{ (đồng)}$$

1.2 Đối với hàng hóa áp dụng thuế suất tuyệt đối:

Số thuế XK,
NK phải nộp

=

Số lượng từng đơn vị mặt
hàng thực tế XK, NK ghi
trong tờ khai Hải quan

x

Mức thuế tuyệt
đối quy định trên 1
đơn vị hàng hóa

Ví dụ: Xuất khẩu gạo phải chịu thuế tuyệt đối

Ngày 21/7/2008 Thủ tướng chính phủ đã ban hành Quyết định số 104/2008/QĐ-TTg về mức thuế tuyệt đối thuế xuất khẩu gạo và phân bón.

Theo đó, mức thuế tuyệt đối cao nhất là 2,9 triệu đồng/tấn đối với gạo, 5.000 đồng/kg đối với phân bón.

2. Nhập khẩu Xe Ô-tô CIF là 100.000 USD, tỷ giá tính thuế là 19,500Đ/USD. Biết rằng thuế suất thuế nhập khẩu tuyệt đối áp cho xe Ô -tô là 83% (2010)

Nhập:



=

?



Giải: Thuế nhập khẩu phải nộp của lô hàng hóa B là:
 $100.000 \times 19,500 \times 83\% = \mathbf{1.618.500.000}$ (đồng)

2. Giá tính thuế:

2.1 Đối với hàng xuất khẩu:

- Là giá bán tại cửa khẩu xuất theo hợp đồng FOB (Free On Board) không bao gồm phí bảo hiểm I (Insurance) và phí vận tải F (Freight).

2.2 Đối với hàng nhập khẩu:

- Là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập khẩu đầu tiên theo hợp đồng. Giá CIF (Cost – Insurance – Freight).

$$\mathbf{CIF = FOB + I + F}$$

Nhập khẩu 2000 sản phẩm A, giá hợp đồng theo giá FOB là 8USD/SP. Phí vận chuyển và bảo hiểm quốc tế là 2 USD/SP. Tỷ giá tính thuế là 20.800 Đ/USD. Thuế nhập khẩu phải nộp là bao nhiêu?? Biết thuế suất thuế XNK là

15%.
Giải:

Số thuế NK phải nộp:

$$2.000 \times (8+2) \times 20.800 \times 15\% = 62.400.000 \text{ (đồng)}$$



$$\text{CIF} = \text{FOB} + \text{I} + \text{F}$$



Prices FOB and CIF



3. Thuế suất :

3.1. Thuế suất thuế xuất khẩu:

- Thuế suất đối với hàng hóa xuất khẩu được quy định cụ thể cho từng mặt hàng và biểu thuế xuất khẩu do Bộ Tài Chính ban hành.



3.2. Thuế suất thuế nhập khẩu:

- Thuế suất đối với hàng hóa nhập khẩu được quy định cụ thể cho từng mặt hàng gồm: Thuế suất thông thường, thuế suất ưu đãi và thuế suất ưu đãi đặc biệt.

3.2.1. Thuế suất thông thường:

Áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ các nước hoặc vùng lãnh thổ không thực hiện đối xử tối huệ quốc và không thực hiện ưu đãi đặc biệt về thuế suất nhập khẩu ở Việt Nam.

TSTT = Thuế suất ưu đãi x 150 %.



3.2.2. Thuế suất ưu đãi:

Áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ thực hiện đối xử tối huệ quốc trong quan hệ thương mại với Việt Nam (nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ nêu ở đây do Bộ thương mại thông báo).

Thuế suất ưu đãi được quy định cụ thể cho từng mặt hàng tại biểu thuế nhập khẩu ưu đãi do bộ tài chính ban hành.

3.2.3. Thuế suất ưu đãi đặc biệt :

Áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ thực hiện ưu đãi đặc biệt về thuế nhập khẩu với Việt Nam theo thể chế khu vực thương mại tự do, liên minh thuế quan hoặc để tạo thuận lợi cho giao lưu thương mại biên giới và trường hợp ưu đãi đặc biệt



4. Biện pháp tự vệ khác :

- Tăng mức thuế nhập khẩu với Hàng hóa nhập khẩu quá mức.
- Thuế chống bán phá giá đối với hàng hóa bán phá giá nhập khẩu vào Việt Nam theo Pháp lệnh chống bán phá giá.
- Thuế chống trợ cấp với hàng hóa được trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam theo quy định Pháp lệnh về chống trợ cấp.
- Thuế chống phân biệt đối xử với hàng hóa có xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ có sự phân biệt đối xử về thuế nhập khẩu, hoặc có biện pháp phân biệt đối xử khác theo quy định của pháp luật về đối xử huệ quốc và đối xử quốc gia trong thương mại quốc tế

IV. ĐỐI TƯỢNG HOÀN THUẾ VÀ TRUY THU THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU

1. Đối tượng được hoàn thuế :

- ❖ Hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế nhập khẩu nhưng còn lưu kho, lưu bãi tại cửa khẩu đang chịu sự giám sát của cơ quan Hải quan, được tái xuất ra nước ngoài.
- ❖ Hàng hóa xuất – nhập khẩu đã nộp thuế xuất nhập khẩu nhưng không XK –NK.



- ❖ Hàng hóa đã nộp thuế Xuất - nhập khẩu nhưng thực tế xuất – nhập khẩu ít hơn.
- ❖ Hàng hóa là nguyên vật liệu, vật tư nhập khẩu đã nộp thuế nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu.
- ❖ Hàng hóa tạm nhập tái xuất hoặc tạm xuất – tái nhập đã nộp thuế xuất – nhập khẩu, trừ trường hợp được miễn thuế theo quy định của Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp



❖ Hàng hóa đã nộp thuế xuất nhập khẩu nhưng phải tái nhập hoặc tái xuất.

❖ Hàng hóa nhập khẩu là máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất để thực hiện dự án đầu tư, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, phục vụ sx hoặc mục đích khác đã nộp thuế NK tính theo thời gian sử dụng và lưu lại tại Việt Nam.

2. Truy thu thuế xuất - nhập khẩu:

- Đối tượng nộp thuế có hàng hóa được miễn thuế, xét miễn thuế theo quy định của luật thuế xuất – nhập khẩu nhưng sau đó sử dụng khác với mục đích được miễn thuế, xét miễn thuế thì phải nộp đủ thuế.
- Chính phủ quy định cụ thể các trường hợp phải truy thu thuế, căn cứ tính để truy thu thuế và thời hạn để kê khai mã số thuế truy thu theo quy định.

V. KÊ KHAI, NỘP THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU

1. Kê khai thuế :

- Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế là thời hạn nộp tờ khai HQ.
- HH nhập khẩu: hồ sơ khai thuế nộp trước ngày hàng hóa đến cửa khẩu hoặc trong 30 ngày kể từ ngày HH đến cửa khẩu.
- HH xuất khẩu: Hồ sơ khai thuế nộp chậm nhất 8 giờ trước khi phương tiện vận tải xuất cảnh.
- Hành lý mang theo người khi nhập cảnh, xuất cảnh thuộc diện chịu thuế XNK, tờ khai Hải quan nộp ngay khi phương tiện đến cửa khẩu nhập hoặc trước khi tổ chức vận tải chấm dứt việc làm thủ tục nhận khách.

2. *Nộp thuế xuất - nhập khẩu:*

2.1. *Thời hạn nộp thuế xuất khẩu:*

- 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan.



2.2. *Thời hạn nộp thuế nhập khẩu:*

-Hàng tiêu dùng: Nộp thuế trước khi nhận hàng. Trừ trường hợp có bảo lãnh hoặc hàng hóa tiêu dùng phục vụ trực tiếp ANQP, NCKH, GDĐT thuộc đối tượng được xét miễn thuế thì thời hạn nộp thuế là 30 ngày kể từ ngày đăng ký HQ.

- ĐTNT chấp hành tốt HQ: Trong 365 ngày không VPHC, không nợ thuế quá hạn 90 ngày, nộp thuế theo pp khấu trừ.

+ HH tạm nhập, tái xuất: 15 ngày

+ NLVT trực tiếp SX hàng hóa xuất khẩu: 275 ngày

+ HH [



- ĐTNT chưa chấp hành tốt pháp luật về HQ:

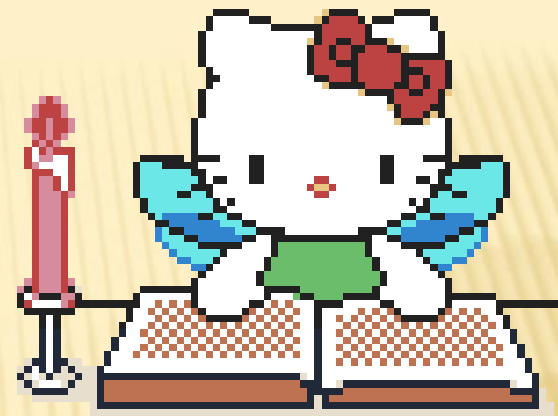
+ Nộp thuế trước khi nhận hàng.

+ Nếu được các tổ chức tín dụng bảo lãnh thì thời gian nộp thuế thực hiện theo thời gian bảo lãnh nhưng không quá thời hạn theo quy định đối với từng trường hợp cụ thể.

- HH NK phục vụ trực tiếp ANQP, NCKH, GDĐT thuộc đối tượng được xét miễn thuế thì thời hạn nộp thuế là 30 ngày kể từ ngày đăng ký HQ.

2.3 Các trường hợp khác:

- HH không có hóa đơn mua – bán, HH của cư dân biên giới nộp thuế trước khi XNK hàng hóa.
- HH bị tạm giữ để điều tra: Nộp khi có lệnh giải tỏa hàng hóa.
- HH đăng ký 1 lần để XNK nhiều lần nộp theo từng lần được XNK.



Tìm hóa đơn ???





Mọi thắc mắc xin liên hệ:



Ban chuyên đề, Đài truyền hình Tp.HCM



Qua tổng đài: 1900.1955 nhánh số 1



Email: banchuyende@hcm.vnn.vn

Trân trọng cảm ơn quý khách mời, cảm ơn quý Doanh nghiệp, cảm ơn toàn thể khán giả đồng cảm ơn nhãn hàng nước uống đóng chai La Vie đã tài trợ cho chương trình này !!



**CHÚC CÁC BẠN
NGÀY HỌC TẬP TỐT
GOOD BYE !!**

